**IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

**A. CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép mua vũ khí thô sơ**

***1.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu mua vũ khí thô sơ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Bình vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trả kết quả trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu mua vũ khí thô sơ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép mua vũ khí thô sơ.

***1.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ số lượng, chủng loại vũ khí; tên, địa chỉ, tổ chức, doanh nghiệp bán lại.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***1.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH

***1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép mua vũ khí thô sơ.

***1.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000đồng/giấy phép.

***1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

Chỉ cấp Giấy phép mua vũ khí thô sơ cho đúng đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 28, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**2. Thủ tục: Cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ**

***2.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu mua công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu ở địa phương có nhu cầu mua công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép mua công cụ hỗ trợ.

***2.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị trang bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nêu rõ nhu cầu, điều kiện, số lượng, chủng loại công cụ hỗ trợ cần trang bị.

b) Bản sao quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Bản sao quyết định thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách.

d) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***2.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép mua công cụ hỗ trợ.

***2.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000 đồng/1 khẩu (chiếc).

***2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

Thuộc đối tượng được quy định tại Điều 55, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**3. Thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao**

***3.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***3.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại cơ quan Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao;

b) Bản sao Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng, Giấy phép trang bị vũ khí thể thao.

c) Bản sao hóa đơn hoặc bản sao phiếu xuất kho.

d) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***3.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***3.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000 đồng/01 giấy phép.

***3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Đối tượng được cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 18; đối tượng được cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao theo quy định tại Điều 24, Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**4. Thủ tục: Cấp đổi giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí
thể thao**

***4.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu đổi giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu đổi giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***4.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao thì trong hồ sơ phải có văn bản nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***4.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***4.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000 đồng/ 01 giấy.

***4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):***Không.

***4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Đối tượng được cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 18; đối tượng được cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao theo quy định tại Điều 24, Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**5. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí
thể thao**

***5.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***5.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao thì trong hồ sơ phải có văn bản nêu rõ lý do mất hư hỏng và kết quả xử lý.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***5.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***5.8. Lệ phí (nếu có):***10.000 đồng/ 01 giấy.

***5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Đối tượng được cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 18; đối tượng được cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí thể thao theo quy định tại Điều 24, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

***5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**6. Thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ**

***6.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***6.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng công cụ hỗ trợ.

b) Bản sao Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; bản sao hóa đơn hoặc bản sao phiếu xuất kho.

c) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***6.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

***6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***6.8. Lệ phí (nếu có)*:** 10.000 đồng/ 01 giấy.

***6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Chỉ cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại Điều 55, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**7. Thủ tục: Cấp đổi giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ**

***7.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp đổi giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp đổi giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***7.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại công cụ hỗ trợ.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ phải có văn bản nêu rõ lý do và kết quả xử lý.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***7.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***7.8. Lệ phí:*** 10.000 đồng/ 01 giấy.

***7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Chỉ cấp đổi giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại Điều 55, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**8. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ**

***8.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***8.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại công cụ hỗ trợ.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ phải có văn bản nêu rõ lý do và kết quả xử lý.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***8.4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

***8.8. Lệ phí:*** 10.000 đồng/ 01 giấy.

***8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Chỉ cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại Điều 55, Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**9. Thủ tục: Cấp giấy phép sửa chữa vũ khí**

***9.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sửa chữa vũ khí nộp hồ sơ tại cơ quan Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sửa chữa vũ khí đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sửa chữa vũ khí.

***9.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng loại vũ khí đề nghị sửa chữa; số lượng, bộ phận cần tiến hành sửa chữa; cơ sở tiến hành sửa chữa; địa chỉ, thời gian sửa chữa.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***9.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:** Tổ chức.

***9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***Giấy phép sửa chữa vũ khí.

***9.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000 đồng/01 khẩu (chiếc).

***9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.

***9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**10. Thủ tục: Cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ**

***10.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ.

***10.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị sửa chữa công cụ hỗ trợ. Trong văn bản phải thể hiện rõ số lượng, chủng loại công cụ hỗ trợ cần sửa chữa, nơi sửa chữa, thời gian sửa chữa.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***10.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ.

***10.8. Lệ phí (nếu có):*** 10.000 đồng/01 khẩu (chiếc).

***10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.

***10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**11. Thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí
thể thao**

***11.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***11.2. Cách thức thực hiện:***Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu rõ số lượng, chủng loại nguồn gốc xuất xứ của vũ khí; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; họ và tên, địa chỉ của người chịu trách nhiệm vận chuyển, người điều khiển phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***11.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

***11.8. Lệ phí (nếu có):*** 100.000 đồng/01 giấy.

***11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Chỉ cấp giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao khi đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**12. Thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ**

***12.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ.

***12.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển. Nội dung văn bản thể hiện rõ lý do, số lượng, chủng loại, nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; họ và tên, địa chỉ của người chịu trách nhiệm vận chuyển, người điều khiển phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện.

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***12.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ.

***12.8. Lệ phí (nếu có):*** 100.000 đồng/01 giấy.

***12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Chỉ cấp giấy vận chuyển công cụ hỗ trợ khi đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 59 Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**13. Thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng**

***13.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng.

***13.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng nêu rõ lý do, khối lượng vật liệu nổ quân dụng cần vận chuyển, nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; họ và tên, địa chỉ của người chịu trách nhiệm vận chuyển, người điều khiển phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện;

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***13.4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng.

***13.8. Lệ phí (nếu có):***

+ Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/ 01 giấy.

+ Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/ 01 giấy.

+ Trên 15 tấn: 150.000 đồng/ 01 giấy.

***13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***13.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

Chỉ cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng khi đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***13.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**14. Thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

***14.1. Trình tự thực hiện:***

+ Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

+ Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

+ Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

***14.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, khối lượng, số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp cần vận chuyển; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; họ và tên, địa chỉ của người chịu trách nhiệm vận chuyển, người điều khiển phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp nhận vật liệu nổ công nghiệp;

c) Các loại giấy tờ chứng minh đủ điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

d) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***14.4. Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

***14.8. Lệ phí (nếu có):***

+ Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/ 01 giấy.

+ Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/ 01 giấy.

+ Trên 15 tấn: 150.000 đồng/ 01 giấy.

***14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Mẫu VC03 (Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp).

***14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Người thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải tuân theo các quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển đảm bảo an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng, dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan Quân sự, Công an nơi gần nhất biết để phối hợp bảo vệ.

e) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người có trách nhiệm trong việc vận chuyển.

***14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 35/2010/TT-BCA, ngày 11/10/2010 của Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm;

+ Thông tư số 04/2014/TT-BCA, ngày 21/01/2014 của Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA, ngày 11/10/2010 của Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

**15. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

***15.1. Trình tự thực hiện:***

+ Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

+ Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

+ Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

***15.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Công văn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Bản sao giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (kèm theo bản chính để đối chiếu).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***15.4. Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***Tổ chức.

***15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

***15.8. Lệ phí (nếu có):***

+ Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/ 01 giấy.

+ Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/ 01 giấy.

+ Trên 15 tấn: 150.000 đồng/ 01 giấy.

***15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo đủ điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Người thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải tuân theo các quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng, dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan Quân sự, Công an nơi gần nhất biết để phối hợp bảo vệ;

e) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người có trách nhiệm trong việc vận chuyển.

***15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 35/2010/TT-BCA, ngày 11/10/2010 của Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm;

+ Thông tư số 04/2014/TT-BCA, ngày 21/01/2014 của Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA, ngày 11/10/2010 của Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

**16. Thủ tục: Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ**

***16.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo phải khai báo với Công an xã, phường, thị trấn nơi cơ quan, đơn vị đặt trụ sở hoặc nơi cư trú để được cấp giấy thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ để nhận giấy thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

***16.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở làm việc của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất; nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu (nếu có) của từng vũ khí thô sơ.

1. Bản sao Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ; bản sao hóa đơn hoặc bản sao

Phiếu xuất kho.

 c) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***16.4. Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

***16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

***16.8. Lệ phí (nếu có):*** Không.

***16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.

***16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**17. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ**

***17.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương có nhu cầu cấp giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả giấy xác nhận đăng ký vũ khí công cụ hỗ trợ.

***17.2. Cách thức thực hiện:***trực tiếp tại trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***- Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng công cụ hỗ trợ.

b) Bản sao Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; bản sao hóa đơn hoặc bản sao phiếu xuất kho.

c) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***17.3. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***17.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***17.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***17.6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ.

***17.7. Lệ phí (nếu có):*** Không.

***17.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***17.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

Chỉ cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại Điều 55, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017).

***17.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.

**B. CẤP XÃ**

**1. Thủ tục: Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ:** Áp dụng cho tập thể, cá nhân sở hữu vũ khí thô sơ dùng làm hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

***1.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo phải khai báo với Công an xã, phường, thị trấn nơi cơ quan, đơn vị đặt trụ sở nơi cư trú để được cấp giấy thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì thụ lý giải quyết và cấp Phiếu nhận hồ sơ; nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc thiếu thành phần thì trả lại và hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ để nhận giấy thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

***1.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất; nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu (nếu có) của từng vũ khí thô sơ;

b) Bản sao Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ; bản sao hóa đơn hoặc bản sao phiếu xuất kho;

c) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ .

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***1.4. Thời hạn giải quyết:***03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

***1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:** Công an xã, phường, thị trấn.

***1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

***1.8. Lệ phí (nếu có):*** Không.

***1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*** Không.

***1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.

***1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017);

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA, ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

+ Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý.